

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 01 năm 2025

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ

Bệnh viện tỉnh Ninh Thuận công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý 4 năm 2024 như sau:

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý 4	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
I	Tổng số thu	585.997.431.811	173.465.054.504	29,60%	149,49%
1	Ngân sách Nhà nước	3.950.915.811	3.950.915.811	100,00%	99,02%
2	Dịch vụ y tế	505.478.941.000	148.115.162.509	29,30%	157,62%
3	Thu khác (hoạt động dịch vụ)	76.567.575.000	21.398.976.184	27,95%	118,40%
II	Tổng chi	585.997.431.811	197.324.301.336	33,67%	131,73%
A	Tổng chi thường xuyên	585.571.636.811	196.908.132.240	33,63%	131,47%
	Nhóm 1: Chi thanh toán cho cá nhân	112.171.674.949	50.727.405.948	45,22%	122,66%
1	Tiền lương	39.751.094.949	15.155.141.059	38,13%	122,10%
2	Tiền công trả cho lao động thường xuyên theo hợp đồng	10.640.739.000	4.061.119.948	38,17%	130,24%
3	Phụ cấp lương	50.844.882.000	25.924.549.613	50,99%	120,56%
4	Tiền thưởng	728.525.000	1.053.710.000	144,64%	147,53%
5	Phúc lợi tập thể	25.308.000	-		
6	Các khoản đóng góp	10.062.053.000	4.461.185.328	44,34%	123,66%
7	Các khoản thanh toán khác cho cá nhân	119.073.000	71.700.000	60,22%	
	Nhóm 2: Chi về hàng hóa, dịch vụ	469.113.127.862	99.109.279.264	21,13%	139,00%
8	Thanh toán dịch vụ công cộng	9.669.340.000	3.552.503.180	36,74%	113,82%
9	Vật tư văn phòng	5.244.424.000	1.629.444.435	31,07%	109,13%
10	Thông tin, tuyên truyền, liên lạc	840.151.000	389.798.917	46,40%	131,69%
11	Hội nghị	108.000.000	108.000.000	100,00%	145,16%
12	Công tác phí	480.155.000	432.256.000	90,02%	147,41%
13	Chi phí thuê mướn	11.461.626.000	2.747.367.575	23,97%	416,27%
14	Sửa chữa, duy tu tài sản phục vụ công tác chuyên môn và các công trình cơ sở hạ tầng	13.056.269.000	2.791.340.871	21,38%	96,77%
15	Mua sắm tài sản phục vụ công tác chuyên môn	12.906.000.000	1.405.761.661	10,89%	59,58%
16	Chi phí nghiệp vụ chuyên môn của từng ngành	415.334.252.862	86.052.806.625	20,72%	143,13%
17	Mua sắm tài sản vô hình	-	-		
18	Chi lương hưu và trợ cấp bảo hiểm xã hội	12.910.000	-		
	Nhóm 3: Các khoản chi khác	4.286.834.000	47.071.447.028	1098,05%	126,81%
19	Chi khác	3.896.308.000	5.177.518.782	132,88%	135,48%
20	Chi lập các quỹ của đơn vị thực hiện khoản chi và đơn vị sự nghiệp có thu theo chế độ quy định	-	41.893.928.246		125,82%
21	Chi hỗ trợ và giải quyết việc làm	390.526.000	-		
B	Trích bổ sung chi lương	425.795.000	416.169.096	97,74%	2652,65%

Nơi nhân:

- Ban Giám đốc;
- Đăng Website BVT;
- Lưu TCKT.

Người lập bảng

Kế toán trưởng

Ninh Thuận, ngày 06 tháng 01 năm 2025

Giám đốc

Lê Nguyễn Kiều My

Phan Thụy Thu Vân



★ Lê Huy Thạch